



# TỔNG QUAN CHÍNH SÁCH VÀ CƠ HỘI PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG GỖ LỚN Ở VIỆT NAM

TS. Bùi Chính Nghĩa  
Vụ Phát triển sản xuất lâm nghiệp



HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ  
HOẠT ĐỘNG SXLN

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN  
RỪNG

RỪNG GỖ LỚN, MỘT SỐ  
KẾT QUẢ, KHÓ KHĂN VÀ  
GIẢI PHÁP

## I. KHÁI QUÁT HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP

### 1. Hiện trạng rừng

- Tổng diện tích đất có rừng: 14.415.381 ha
  - Rừng đặc dụng: 2.141.324 ha
  - Rừng phòng hộ: 4.567.106 ha
  - Rừng sản xuất: 6.765.936 ha (rừng tự nhiên: 3.905.504 ha; rừng trồng: 2.860.432 ha)
  - Ngoài quy hoạch: 941.015 ha (rừng tự nhiên: 359.395 ha; 581.620 ha)
- Chia theo chủ quản lý
  - Ban quản lý rừng đặc dụng: 2.047.252 ha
  - Ban quản lý rừng phòng hộ: 2.983.455 ha
  - Hộ gia đình: 2.942.110 ha (rừng trồng: 1.532.199 ha)
  - Tổ chức kinh tế, DN vốn nước ngoài: 1.769.000 ha (rừng trồng: 562.262 ha)
  - Công đồng dân cư: 1.145.610 ha (rừng trồng 96.836 ha)
  - UBND xã: 3.110.781 ha (rừng trồng: 1.177.865 ha)
  - Tổ chức khác (KHCHN và ĐT, Lực lượng vũ trang...): 416.711 ha (238.183 ha)

## I. KHÁI QUÁT HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP (2)

### 2. Sản xuất lâm nghiệp

- Tổng khối lượng tiêu thụ gỗ nguyên liệu năm 2017: khoảng 32 triệu m<sup>3</sup>
  - Gỗ khai thác rừng trồng trong nước: 18 triệu m<sup>3</sup>
  - Gỗ khai thác vườn nhà, cây phân tán: khoảng 3 triệu m<sup>3</sup>
  - Gỗ cao su: khoảng 3 triệu m<sup>3</sup>
  - Gỗ nhập khẩu: khoảng 7 triệu m<sup>3</sup>
- Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản: 8.032 tỷ USD
  - Sản phẩm gỗ: 5,7 tỷ USD
  - gỗ, đăm gỗ: 2 tỷ USD
  - Lâm sản ngoài gỗ: 320 triệu USD
- Tiêu thụ trong nước: 1,6-2 tỷ USD

## II. TỔNG QUAN CHÍNH SÁCH VỀ RỪNG SẢN XUẤT

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

- Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2007 của TTg về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015
  - Mục tiêu: trồng 2 triệu ha rừng sản xuất
  - Mức hỗ trợ:
    - Đối với địa bàn đặc biệt khó khăn: Trồng cây gỗ lớn, cây bản địa 3 triệu đồng/ha; cây gỗ nhỏ 2 triệu đồng/ha; khu vực biên giới, tái định cư thêm 1 triệu đồng/ha
    - Đồng bào dân tộc thiểu số không thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn: 2 triệu đồng/ha
    - Địa bàn không đặc biệt khó khăn: tối đa 1,5 triệu đồng/ha
    - Hệ thống vườn ươm cây giống
- Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg ngày 9/12/2011 điều chỉnh, bổ sung 1 số Điều của QĐ số 147
  - Mức hỗ trợ:
    - Đối với địa bàn đặc biệt khó khăn: Trồng cây gỗ lớn, cây bản địa 4,5 triệu đồng/ha; cây gỗ nhỏ, tre, luồng 3 triệu đồng/ha.
    - Địa bàn khác: tối đa 2,25 triệu đồng/ha.
    - Nâng mức hỗ trợ xây dựng vườn giống, trung tâm sản xuất giống, vườn ươm.

## II. TỔNG QUAN CHÍNH SÁCH VỀ RỪNG SẢN XUẤT (2)

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

- Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của TTg về một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp
  - Mục tiêu: đến 2020, trồng 900 ngàn ha rừng sản xuất
  - Mức hỗ trợ:
    - Trồng cây gỗ lớn, cây đa mục đích, cây bản địa 8 triệu đồng/ha; cây gỗ nhỏ, cây phân tán 5 triệu đồng/ha.
    - Các xã biên giới vùng Tây Bắc, Tây nguyên thêm 2 triệu đồng/ha
    - Cấp chứng chỉ rừng bền vững: tối đa không quá 300 ngàn đồng/ha
    - Hỗ trợ phát triển lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao
    - Hỗ trợ đầu tư trồng và quản lý rừng giống, vườn giống
    - Hỗ trợ đầu tư xây dựng các trung tâm sản xuất giống, vườn ươm cây giống

## II. TỔNG QUAN CÁC CHÍNH SÁCH VỀ RỪNG SẢN XUẤT (3)

### ➤ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

- Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2017 của TTg về phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020
  - Mục tiêu: độ che phủ rừng đạt 42%; năng suất rừng trồng bình quân 20m<sup>3</sup>/ha/năm
  - Nhiệm vụ:
    - Trồng mới, trồng lại rừng sau khai thác: 1,025 triệu ha (200 ngàn ha rừng trồng thâm canh gỗ lớn)
    - Chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn: 90 ngàn ha
    - Tỷ lệ diện tích rừng trồng được kiểm soát chất lượng giống: 75-80%
    - Cấp chứng chỉ rừng bền vững: 100 ngàn ha

## II. TỔNG QUAN CHÍNH SÁCH VỀ RỪNG SẢN XUẤT (4)

### ➤ BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

- Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp
  - Mục tiêu về phát triển nâng cao chất lượng rừng trồng: năng suất bình quân 15m<sup>3</sup>/ha/năm; ổn định 3,4 triệu ha rừng trồng sản xuất; khai thác và trồng lại 250 ngàn ha/năm; trữ lượng gỗ rừng gỗ lớn 150m<sup>3</sup>/ha; rừng gỗ nhỏ 70 m<sup>3</sup>/ha; sản lượng gỗ đạt 80% trữ lượng (40% cho gỗ lớn, 60% gỗ nhỏ)
  - Giải pháp:
    - Nâng cao chất lượng rừng sản xuất: thực hiện đề án nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp (chọn tạo ít nhất 10-15 giống mới); thực hiện đề án nâng cao năng suất và chất lượng rừng: nâng cao năng suất, chất lượng rừng, xác định tập đoàn cây chủ lực cho trồng rừng sản xuất, xây dựng quy trình KT thâm canh rừng trồng bền vững

## II. TỔNG QUAN CHÍNH SÁCH VỀ RỪNG SẢN XUẤT (5)

### ➤ BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

- Quyết định số 774/QĐ-BNN-TCLN ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt kế hoạch hành động nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất giai đoạn 2014-2020
  - Mục tiêu: năng suất bình quân rừng chuyển hóa đạt 12-trên 15m<sup>3</sup>/ha/năm theo các vùng; năng suất bình quân rừng trồng gỗ lớn từ 15- trên 20 m<sup>3</sup>/ha/năm theo vùng; sản lượng khai thác cung cấp gỗ lớn (đường kính trên 15 cm) đạt 50-60%.
  - Nội dung:
    - Công tác giống: hoàn thiện văn bản pháp quy; lựa chọn danh mục cơ cấu loài và giống cây trồng có năng suất cao theo lập địa; chọn tạo giống mới;
    - Hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trong trồng rừng thâm canh, chuyển hóa rừng...
    - Quản lý và tổ chức sản xuất: quy hoạch vùng nguyên liệu gỗ lớn gắn với cơ sở chế biến; xây dựng mô hình chuyển hóa rừng, trồng rừng gỗ lớn
    - Trình TTg ban hành một số chính sách: về đất đai; hỗ trợ đầu tư và tín dụng

## III. RỪNG GỖ LỚN: KẾT QUẢ, KHÓ KHĂN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Về diện tích: 201.220 ha, trong đó:
  - Chuyển hóa: 28.658 ha
  - Trồng rừng thâm canh: 172.562 ha
2. Về năng suất, chất lượng: đánh giá tại các mô hình thử nghiệm
  - Mô hình trồng mới: Keo lai tại Cà Mau, Thanh Hóa (trồng thâm canh) có sinh trưởng chiều cao và đường kính tăng hơn so với trồng thông thường từ 15-31%.
  - Mô hình chuyển hóa rừng trồng: Keo tai tượng tại Bắc Giang, Quảng Ninh; các biện pháp lâm sinh tác động như nuôi dưỡng, tía thưa (mật độ còn lại 600 cây/ha). Trữ lượng đạt 115m<sup>3</sup>/ha tương đương so với rừng trồng thông thường.
  - Hiệu quả kinh tế: Giá bán gỗ cao hơn (gấp hơn 2 lần); sản phẩm tía thưa. Theo Viện KHLNVN nghiên cứu: nếu kéo dài tuổi khai thác thêm 1 năm, giá trị tăng thêm là 57%, kéo dài thêm 5 năm tăng thêm 424%. Tuổi KT của Keo hiệu quả là từ 10-15 tuổi.

### III. RỪNG GỖ LỚN: KẾT QUẢ, KHÓ KHĂN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP (2)

#### 3. Khó khăn, thách thức

- Nhận thức về kinh doanh gỗ lớn của người dân.
- Quy mô hộ gia đình: nhỏ lẻ, phân tán.
- Vốn, tiếp cận tín dụng.
- Tổ chức sản xuất: liên kết, hợp tác phát triển theo chuỗi giữa người dân và doanh nghiệp.
- Rủi ro cao hơn: thiên tai, thị trường...
- Hệ thống hạ tầng lâm sinh.
- Kinh nghiệm thực tiễn.

### III. RỪNG GỖ LỚN: KẾT QUẢ, KHÓ KHĂN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP (3)

#### 4. Đề xuất giải pháp

- Khoa học KT: giống, biện pháp KTLS
- Cơ chế, chính sách: đất đai, vốn, khuyến lâm, bảo hiểm, đầu tư hạ tầng lâm sinh
- Tổ chức sản xuất: liên kết theo chuỗi, HTX...
- Tuyên truyền, tăng cường năng lực



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN  
CÁC QUÝ VỊ